

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2005/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 8 năm 2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (sau đây gọi là Pháp lệnh Chống trợ cấp) về Cơ quan điều tra chống trợ cấp, Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp; thủ tục, nội dung điều tra để áp dụng và việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối

với hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Tiếng nói và chữ viết trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp

1. Tiếng nói và chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiếng Việt. Các bên liên quan đến quá trình điều tra theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Chống trợ cấp (sau đây gọi là các bên liên quan) có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trong trường hợp này phải có phiên dịch.

2. Các thông tin, tài liệu không phải bằng tiếng Việt do các bên liên quan cung cấp phải được dịch ra tiếng Việt. Các bên liên quan phải bảo đảm tính trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được dịch thuật.

Điều 3. Chứng cứ

Chứng cứ trong quá trình giải quyết

vụ việc chống trợ cấp là những gì có thật được Cơ quan điều tra chống trợ cấp, Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp dùng làm căn cứ để xác định tình trạng trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt đáng kể và mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc chống trợ cấp.

Điều 4. Xác định khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam không đáng kể

Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam được coi là không đáng kể khi:

1. Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu từ một nước không vượt quá 3% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu từ nhiều nước đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá 7% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 5. Xác định tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá

hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước

Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa sản xuất chiếm từ 50% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước trở lên được coi là chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước.

Điều 6. Xác định mối quan hệ liên kết trực tiếp giữa các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp

1. Các nhà sản xuất hàng hóa tương tự được coi là có mối quan hệ liên kết trực tiếp với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia;

b) Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba;

c) Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba.

2. Một bên có thể bị coi là kiểm soát được một bên khác khi bên đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của bên khác đó.

Chương II

CƠ QUAN CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI THAM GIA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP

Mục 1. CƠ QUAN CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 7. Cơ quan chống trợ cấp, Người tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp

1. Cơ quan chống trợ cấp gồm Cơ quan điều tra chống trợ cấp (sau đây gọi là Cơ quan điều tra) và Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp (sau đây gọi là Hội đồng xử lý).

2. Người tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp bao gồm:

- a) Người đứng đầu Cơ quan điều tra;
- b) Điều tra viên vụ việc chống trợ cấp (sau đây gọi là Điều tra viên);
- c) Thành viên Hội đồng xử lý.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ban hành mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp và bản câu hỏi điều tra.

2. Thực hiện các nhiệm vụ điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp theo trình tự, thủ tục quy định tại Pháp lệnh Chống trợ cấp và Nghị định này.

3. Yêu cầu các bên liên quan cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu có liên quan đến vụ việc chống trợ cấp.

4. Tổ chức phiên tham vấn với các bên liên quan.

5. Công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

6. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, quyết định về việc áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời trong trường hợp cần thiết.

7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét về việc chấp nhận, không chấp nhận hoặc đề nghị điều chỉnh nội dung cam kết trên cơ sở đề xuất tự nguyện của các nhà sản xuất, xuất khẩu có liên quan theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

8. Công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

9. Tiến hành rà soát việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Người đứng đầu Cơ quan điều tra

1. Người đứng đầu Cơ quan điều tra do

Bộ trưởng Bộ Thương mại bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Người đứng đầu Cơ quan điều tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, chỉ đạo Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Phân công Điều tra viên điều tra vụ việc chống trợ cấp cụ thể;

c) Phân công Điều tra viên điều hành phiên tham vấn;

d) Giám sát các hoạt động điều tra của Điều tra viên;

đ) Quyết định mở phiên tham vấn;

e) Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

g) Trưng cầu giám định.

Điều 10. Điều tra viên

1. Tiêu chuẩn của Điều tra viên.

Người có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;

b) Có trình độ cử nhân trở lên về lĩnh vực luật hoặc kinh tế, tài chính;

c) Có thời gian công tác thực tế ít nhất là 05 năm thuộc một trong các lĩnh vực quy định tại điểm b Khoản này;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ điều tra.

2. Điều tra viên do Bộ trưởng Bộ Thương

mại bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của người đứng đầu Cơ quan điều tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp, Điều tra viên có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ điều tra theo sự phân công của người đứng đầu Cơ quan điều tra.

2. Yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin cần thiết và các tài liệu có liên quan đến vụ việc chống trợ cấp theo quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

3. Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

4. Bảo quản tài liệu đã được cung cấp.

5. Báo cáo điều tra sau khi kết thúc điều tra vụ việc chống trợ cấp, soạn thảo và trình người đứng đầu Cơ quan điều tra kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng liên quan đến quá trình điều tra.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xử lý

Hội đồng xử lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xem xét các kết luận của Cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

2. Thảo luận và quyết định theo đa số về việc có hoặc không có trợ cấp hàng hóa

nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

3. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp trên cơ sở các quy định tại Điều 37 Nghị định này.

Điều 13. Thành viên Hội đồng xử lý

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng xử lý.

Bộ trưởng Bộ Thương mại kiến nghị danh sách thành viên Hội đồng xử lý, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;
- b) Có trình độ cử nhân trở lên về lĩnh vực luật hoặc kinh tế, tài chính;
- c) Có thời gian công tác thực tế ít nhất 09 năm thuộc một trong các lĩnh vực quy định tại điểm b Khoản này.

2. Căn cứ danh sách thành viên Hội đồng xử lý đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, ra quyết định cụ thể về số lượng thành viên Hội đồng xử lý tham gia giải quyết vụ việc chống trợ cấp, trong đó phân công một thành viên làm chủ tọa phiên họp và ký các quyết định, kiến nghị quy định tại khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định này.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng xử lý là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng xử lý

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp, thành viên Hội đồng xử lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu, xem xét hồ sơ, các kết luận của Cơ quan điều tra và các tài liệu khác trong bộ hồ sơ vụ việc chống trợ cấp do Cơ quan điều tra chuyển.

2. Tham gia phiên họp của Hội đồng xử lý để thảo luận và bỏ phiếu về việc có hoặc không có trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

3. Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Mục 2. NGƯỜI THAM GIA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 15. Người tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp

Người tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân đại diện hợp pháp cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Chống trợ cấp nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp lên Cơ quan điều tra (sau đây gọi là Người yêu cầu).

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị Người yêu

cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc bị Cơ quan điều tra tiến hành điều tra theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại theo quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Chống trợ cấp (sau đây gọi là Người bị yêu cầu).

3. Luật sư của Người yêu cầu và Người bị yêu cầu.

4. Các bên liên quan khác.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Người yêu cầu, Người bị yêu cầu.

1. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp, Người yêu cầu có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận các thông tin mà các bên liên quan khác cung cấp cho Cơ quan điều tra, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

b) Yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

c) Tham gia phiên tham vấn;

d) Ủy quyền cho luật sư thay mặt mình tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

đ) Yêu cầu Cơ quan điều tra tổ chức phiên tham vấn kín theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định này;

e) Khiếu nại, khởi kiện các quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

2. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp, Người bị yêu cầu có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Kiến nghị Cơ quan điều tra gia hạn thời hạn cung cấp thông tin, gia hạn thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

3. Người yêu cầu, Người bị yêu cầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến yêu cầu của mình;

b) Cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời những thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên;

c) Thi hành quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Điều 17. Luật sư của Người yêu cầu và Người bị yêu cầu

1. Luật sư có đủ điều kiện tham gia tố tụng tại tòa án theo quy định của pháp luật được Người yêu cầu, Người bị yêu cầu ủy quyền, có quyền tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên mà mình đại diện.

2. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp, luật sư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tham gia các giai đoạn trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

b) Xác minh, thu thập và cung cấp tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên mà mình đại diện;

c) Nghiên cứu những tài liệu trong hồ sơ vụ việc chống trợ cấp;

d) Được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ việc chống trợ cấp, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này, để thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bên mà mình đại diện;

đ) Giúp bên mà mình đại diện về mặt pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ;

e) Tôn trọng sự thật và pháp luật; không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật;

g) Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

h) Không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ việc chống trợ cấp vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan khác

Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp, các bên liên quan không phải là Người yêu cầu hoặc Người

bị yêu cầu có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp thông tin trung thực và tài liệu cần thiết liên quan đến vụ việc chống trợ cấp theo quan điểm của mình hoặc theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên.

2. Yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

3. Tiếp cận thông tin về vụ việc chống trợ cấp của Cơ quan điều tra, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

4. Tham gia phiên tham vấn và trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống trợ cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU TRA ĐỂ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp được gửi đến Cơ quan điều tra bao gồm:

1. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu hoặc của đại diện ngành sản xuất trong nước trong

trường hợp Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trong đó có tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Mô tả khối lượng, số lượng, đơn giá và trị giá của hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm b khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

d) Mô tả khối lượng, số lượng, đơn giá và trị giá của hàng hóa tương tự được sản xuất trong nước trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Thông tin về các chính sách trợ cấp của Chính phủ nước ngoài, tình hình và hình thức trợ cấp;

e) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước do hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra;

g) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

h) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện

pháp chống trợ cấp, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

2. Tài liệu, thông tin liên quan khác mà Người yêu cầu hoặc Cơ quan điều tra (trong trường hợp Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp) cho là cần thiết.

Điều 20. Thẩm định hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp trong trường hợp có Người yêu cầu

1. Trong thời hạn 45 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này, Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ để trình Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét ra quyết định điều tra.

2. Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm:

a) Xác định tư cách đại diện hợp pháp cho ngành sản xuất trong nước của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Chống trợ cấp;

b) Xác định bằng chứng về việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Điều 21. Lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp trong trường hợp không có Người yêu cầu

1. Trong trường hợp không có Người yêu cầu nhưng có dấu hiệu về việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng

kể cho ngành sản xuất trong nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định giao Cơ quan điều tra tiến hành lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp để trình Bộ trưởng xem xét ra quyết định điều tra.

2. Thời hạn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này là 06 tháng, tính từ ngày Bộ trưởng Bộ Thương mại ký quyết định giao Cơ quan điều tra lập hồ sơ.

Điều 22. Nội dung quyết định điều tra

1. Quyết định điều tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của đại diện ngành sản xuất trong nước trong trường hợp không có Người yêu cầu;

c) Mô tả hàng hóa là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi hàng hóa, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng;

d) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

đ) Tên nước, vùng lãnh thổ xuất khẩu và xuất xứ của hàng hóa là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

e) Tóm tắt thông tin về việc trợ cấp hàng

hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm c Khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

g) Ngày có hiệu lực bắt đầu tiến hành điều tra;

h) Giai đoạn điều tra;

i) Lịch trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

k) Các thông tin liên quan khác mà Bộ trưởng Bộ Thương mại cho là cần thiết.

2. Việc thông báo, công bố quyết định điều tra được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

Điều 23. Cung cấp thông tin, tài liệu trong quá trình điều tra

1. Các bên liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực và tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành trưng cầu giám định hoặc kiểm tra, xác minh tính xác thực của các thông tin, tài liệu do các bên liên quan cung cấp hoặc thu thập thêm các thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc chống trợ cấp.

3. Trong trường hợp tiến hành kiểm tra, xác minh tính xác thực của các thông tin, tài liệu hoặc thu thập thêm thông tin ở nước hoặc vùng lãnh thổ ngoài Việt

Nam, Cơ quan điều tra phải thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Trước khi thực hiện việc xác minh hoặc thu thập thông tin, Cơ quan điều tra phải thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ đó;

b) Việc xác minh hoặc thu thập thông tin phải được các tổ chức, cá nhân liên quan đồng ý và không bị cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ nêu tại điểm a Khoản này phản đối, trừ trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam, các nước và vùng lãnh thổ liên quan là thành viên có quy định khác.

4. Trừ các thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này, Cơ quan điều tra phải công khai kết quả giám định, kiểm tra xác minh hoặc thu thập thông tin cho các bên có liên quan.

5. Cơ quan điều tra sẽ quyết định dựa trên các thông tin, tài liệu có sẵn trong các trường hợp sau đây:

a) Bên liên quan không cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đúng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Kết quả giám định, kiểm tra, xác minh cho thấy các thông tin, tài liệu do các bên liên quan cung cấp là không xác thực;

c) Bên liên quan đã không đồng ý để cho Cơ quan điều tra tiến hành xác minh;

d) Bên liên quan gây cản trở quá trình điều tra.

6. Trường hợp không chấp nhận sử dụng phần thông tin, tài liệu mà các bên liên quan đã cung cấp, Cơ quan điều tra phải giải thích lý do không chấp nhận sử dụng phần thông tin, tài liệu đó.

Điều 24. Bản câu hỏi điều tra

1. Trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản câu hỏi điều tra đến địa chỉ của các đối tượng sau đây:

a) Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của Người bị yêu cầu;

b) Đại diện tại Việt Nam của nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

c) Cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

d) Các bên có liên quan khác.

2. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được bản câu hỏi điều tra, Người bị yêu cầu phải gửi văn bản trả lời đầy đủ các câu hỏi ghi trong bản câu hỏi điều tra cho Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết và nếu Người bị yêu cầu có văn bản đề nghị, thời hạn này có thể được Cơ quan điều tra xem xét, gia hạn một lần với thời hạn tối đa không quá 30 ngày.

3. Bản câu hỏi điều tra được coi là đến địa chỉ người nhận sau 07 ngày làm việc,

tính từ ngày Cơ quan điều tra gửi đi. Ngày gửi được xác định căn cứ theo dấu của bưu điện.

Điều 25. Xác định mức trợ cấp riêng

1. Cơ quan điều tra phải tiến hành xác định mức trợ cấp riêng đối với từng Người bị yêu cầu trong vụ việc chống trợ cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp số lượng Người bị yêu cầu hoặc phạm vi hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp là quá lớn, không thể tiến hành xác định mức trợ cấp riêng, Cơ quan điều tra có thể giới hạn phạm vi điều tra xác định mức trợ cấp riêng đối với một số Người bị yêu cầu hoặc hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Việc giới hạn phạm vi điều tra được thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Việc giới hạn phạm vi điều tra được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu thống kê phù hợp trên cơ sở khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp được sản xuất, xuất khẩu bởi Người bị yêu cầu hoặc các thông tin mà Cơ quan điều tra có được tại thời điểm chọn mẫu;

b) Khi tiến hành chọn mẫu điều tra, Cơ quan điều tra có thể tiến hành các tham vấn cần thiết với Người bị yêu cầu, các nhà nhập khẩu liên quan đến việc chọn mẫu và phải có sự đồng ý của Người bị yêu cầu này về việc chọn mẫu.

3. Mức trợ cấp được xác định theo quy

định tại Điều 14 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

4. Mức trợ cấp của Người bị yêu cầu không được điều tra được xác định là mức trợ cấp bình quân gia quyền áp dụng cho Người bị yêu cầu được chọn để xác định mức trợ cấp riêng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 26. Xác định mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước

1. Khi xác định mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra có thể xem xét tổng thể các yếu tố sau đây:

a) Mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Số lượng và giá của hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam không được trợ cấp;

c) Mức độ giảm sút của cầu hoặc thay đổi về hình thức tiêu dùng đối với hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

d) Khả năng xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất trong nước;

đ) Các yếu tố khác theo quyết định của Cơ quan điều tra.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể xem xét thêm các yếu tố khác gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước ngoài việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 27. Tham vấn trong điều tra

1. Trước khi tiến hành điều tra và trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thể tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan và phân công ít nhất 03 Điều tra viên, trong đó có 01 Điều tra viên làm chủ tọa để điều hành phiên tham vấn.

2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản.

3. Trình tự tiến hành tham vấn:

a) Chủ tọa tuyên bố khai mạc phiên tham vấn;

b) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền lần lượt trình bày trực tiếp bằng lời nói các chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống trợ cấp. Thời gian cho mỗi bên trình bày không quá 90 phút;

c) Người yêu cầu và Người bị yêu cầu trao nội dung bài phát biểu quy định tại điểm b Khoản này bằng văn bản cho Chủ tọa;

d) Các bên liên quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm b Khoản này có quyền trao văn bản trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống trợ cấp của mình cho Chủ tọa;

đ) Chủ tọa, các Điều tra viên đặt câu hỏi và nghe Người yêu cầu, Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của họ trả lời. Thời gian hỏi và trả lời dành cho mỗi bên không quá 60 phút. Toàn bộ nội dung này sẽ được ghi vào biên bản tham vấn;

e) Chủ tọa tóm tắt nội dung buổi tham vấn và tuyên bố kết thúc.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, tính từ ngày tổ chức tham vấn, các bên liên quan có quyền gửi văn bản trình bày thêm quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống trợ cấp cho Cơ quan điều tra.

5. Toàn bộ nội dung tham vấn, bao gồm văn bản trình bày của các bên và biên bản tham vấn được Cơ quan điều tra công bố công khai.

6. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể tổ chức phiên tham vấn kín khi có yêu cầu của Người yêu cầu hoặc Người bị yêu cầu. Thành phần tham gia phiên tham vấn kín sẽ được Cơ quan điều tra xem xét, quyết định trên cơ sở yêu cầu của bên yêu cầu tham vấn kín.

Điều 28. Bảo mật thông tin

1. Cơ quan điều tra và Điều tra viên chỉ chịu trách nhiệm bảo mật đối với các thông tin do các bên liên quan cung cấp sau đây:

a) Bí mật quốc gia và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin mà bên cung cấp cho là mật và được Cơ quan điều tra chấp nhận đề nghị bảo mật thông tin.

2. Khi cung cấp những thông tin được đề nghị bảo mật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, bên cung cấp thông tin phải gửi kèm theo thông tin đó bản giải trình chi tiết về lý do đề nghị bảo mật thông tin và bản tóm tắt những nội dung của thông tin mật có thể công bố công khai cho các bên liên quan khác.

3. Trường hợp không chấp nhận đề nghị bảo mật của bên cung cấp thông tin hoặc bên cung cấp thông tin không đồng ý công khai thông tin được đề nghị bảo mật, Cơ quan điều tra sẽ không sử dụng thông tin này và gửi trả lại cho bên cung cấp.

Điều 29. Kết luận sơ bộ

1. Trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp, Cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Pháp lệnh Chống trợ cấp; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá 60 ngày.

2. Kết luận sơ bộ phải được thông báo công khai bằng các phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra và phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

d) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại điểm b Khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Mức trợ cấp;

e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm b Khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; hoặc các thông tin, chứng cứ chứng minh việc chậm áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được;

g) Lịch trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

h) Các thông tin khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết.

3. Sau 07 ngày làm việc tính từ ngày có kết luận điều tra sơ bộ, Cơ quan điều tra phải gửi bản báo cáo điều tra và kết luận điều tra sơ bộ lên Bộ trưởng Bộ Thương mại và trong trường hợp cần thiết, kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời.

Điều 30. Chấm dứt điều tra

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định chấm dứt điều tra theo quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

2. Sau khi có quyết định chấm dứt điều tra, trong vòng 07 ngày làm việc Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo quyết định chấm dứt điều tra trong đó nêu rõ lý do chấm dứt điều tra cho các bên có liên quan bằng văn bản hoặc phương thức thích hợp.

Điều 31. Kết luận cuối cùng

1. Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phải công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra theo quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Pháp lệnh Chống trợ cấp và các nội dung quy định tại Điều 26 Nghị định này.

2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng đối với vụ việc điều tra phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

d) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại điểm b Khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Mức trợ cấp;

e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm b Khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

g) Lịch trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp;

h) Các thông tin khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, tính từ ngày công bố kết luận cuối cùng, Cơ quan điều tra phải gửi Hội đồng xử lý bộ hồ sơ vụ việc chống trợ cấp, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

- b) Báo cáo điều tra;
- c) Kết luận sơ bộ;
- d) Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng;
- đ) Kiến nghị của Cơ quan điều tra.

Chương IV

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG TRỢ CẤP

Mục 1. ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CAM KẾT

Điều 32. Gửi văn bản cam kết

Sau khi có kết luận sơ bộ và chậm nhất không quá 30 ngày trước khi kết thúc giai đoạn điều tra, đại diện hợp pháp hoặc Chính phủ nước, vùng lãnh thổ của Người bị yêu cầu có thể gửi văn bản cam kết về một hoặc các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Chống trợ cấp (sau đây gọi là Cam kết loại trừ trợ cấp) trực tiếp đến Bộ Thương mại thông qua Cơ quan điều tra hoặc đến các nhà sản xuất trong nước để xem xét trước khi đệ trình lên Cơ quan điều tra.

Điều 33. Xem xét cam kết loại trừ trợ cấp

1. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được văn bản cam kết loại trừ trợ cấp, Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm xem xét và đề xuất ý kiến để Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, quyết định.

2. Cam kết loại trừ trợ cấp phải được xem xét dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Việc áp dụng cam kết loại trừ trợ cấp có khả năng khắc phục được thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Việc áp dụng cam kết loại trừ trợ cấp không gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội trong nước.

Điều 34. Quyết định về việc cam kết loại trừ trợ cấp

1. Căn cứ ý kiến đề xuất của Cơ quan điều tra về cam kết loại trừ trợ cấp, Bộ trưởng Bộ Thương mại có thể ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định đình chỉ điều tra và chấp nhận cam kết của các bên đưa ra cam kết;

b) Đề nghị bên đưa ra cam kết điều chỉnh nội dung cam kết nhưng không được ép buộc các bên đưa ra cam kết;

c) Quyết định không chấp nhận cam kết và nêu rõ lý do.

2. Các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này phải được công bố công khai cho các bên liên quan bằng phương thức thích hợp.

3. Trường hợp bên đưa ra cam kết chấp nhận đề nghị điều chỉnh nội dung cam kết quy định tại điểm b khoản 1 Điều

này, bên đưa ra cam kết phải gửi bản cam kết mới đến Cơ quan điều tra.

Điều 35. Giám sát việc thực hiện cam kết loại trừ trợ cấp

1. Bên cam kết phải chịu sự giám sát của Cơ quan điều tra đối với việc thực hiện cam kết.

2. Bên cam kết phải định kỳ cung cấp cho Cơ quan điều tra thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện cam kết và chứng minh tính chính xác của các thông tin, tài liệu đó theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

3. Trường hợp các bên liên quan không thực hiện đúng theo cam kết, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra phải kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định tiếp tục tiến hành điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc ra quyết định áp dụng biện pháp chống trợ cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

Mục 2. ÁP DỤNG THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 36. Áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời

1. Sau 60 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra, căn cứ vào kết luận sơ bộ và kiến nghị của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời.

2. Quyết định về việc áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 22 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

3. Quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời được công bố công khai, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng và xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời;

d) Thuế suất thuế chống trợ cấp tạm thời;

đ) Ngày có hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời.

Điều 37. Quyết định của Hội đồng xử lý

1. Trên cơ sở bộ hồ sơ vụ việc chống trợ cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ, Hội đồng xử lý chịu trách nhiệm thảo luận và quyết định theo đa số các vấn đề sau đây:

a) Có hay không có tình trạng trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Có hay không có tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể;

c) Có hay không có mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

2. Trong trường hợp kết quả biểu quyết về các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều này là ngang nhau, Hội đồng xử lý quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa phiên họp.

3. Trong trường hợp quyết định của Hội đồng xử lý theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này khẳng định có trợ cấp và việc trợ cấp là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Hội đồng xử lý phải kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp.

Điều 38. Áp dụng thuế chống trợ cấp

1. Trường hợp không đạt được cam kết quy định tại Điều 23 Pháp lệnh Chống trợ cấp, căn cứ vào kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra và kiến nghị của Hội đồng xử lý quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp.

Trường hợp việc áp dụng thuế chống trợ cấp gây tổn hại đến lợi ích kinh tế - xã hội trong nước, Bộ trưởng Bộ Thương

mại có thể ra quyết định không áp dụng thuế chống trợ cấp.

2. Quyết định về việc áp dụng thuế chống trợ cấp phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 24 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

3. Quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp được công bố công khai, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng thuế chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi của hàng hóa, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống trợ cấp;

d) Tên nước, vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống trợ cấp;

đ) Tóm tắt kết quả điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng thuế chống trợ cấp;

e) Thuế suất thuế chống trợ cấp;

g) Ngày có hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống trợ cấp;

h) Mức chênh lệch về thuế phải hoàn trả (nếu có) theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

Điều 39. Hoàn trả khoản chênh lệch về thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống trợ cấp tạm thời

Việc hoàn trả cho người nộp khoản chênh lệch về thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống trợ cấp tạm thời theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh Chống trợ cấp được thực hiện tại cơ quan và địa điểm nộp thuế nhập khẩu theo các quy định sau đây:

1. Hoàn trả toàn bộ khoản chênh lệch về thuế trong trường hợp mức thuế chống trợ cấp trong Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại thấp hơn mức thuế chống trợ cấp tạm thời đã nộp.

2. Hoàn trả toàn bộ khoản thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán đã nộp trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định không áp dụng thuế chống trợ cấp.

3. Các khoản chênh lệch về thuế được hoàn trả theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được tính lãi suất.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước các khoản thuế chống trợ cấp nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam; thủ tục hoàn trả khoản chênh lệch về thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống trợ cấp tạm thời.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải